

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ TÚ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/DS-ST  
Ngày: 31-7-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng góp hội

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thu Hồng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Sơn Thanh Bình.

Ông Lý Thanh Chiều.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú tham gia phiên tòa:** Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Mỹ D; Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Lê Thị N; Địa chỉ: Số 78, khu vực 5, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (theo giấy ủy quyền lập ngày 03 tháng 5 năm 2024 do Ủy ban nhân dân thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng chứng thực) (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Lê Văn V và bà Châu Thị S; Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 4 năm 2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:*

Vào năm 2018, 2019, 2020 bà Nguyễn Thị Mỹ D có làm chủ hội đứng ra kêu hội thì có ông Lê Văn V và bà Châu Thị S tham gia chơi hội, trong đó ông V và bà S tham gia nhiều chân hội, cụ thể như sau:

- Dây hội mùa:

+ Dây hội mùa 3.000.000 đồng, dây 1 (theo vụ lúa), mở ngày 27/3/2018 (âm lịch) có 16 phần hội, ông V, bà S tham gia 01 phần hội.

+ Dây hội mùa 3.000.000 đồng, dây 2 (theo vụ lúa), mở ngày 27/3/2018 (âm lịch) có 16 phần hội, ông V, bà S tham gia 01 phần hội.

+ Dây hội mùa 3.000.000 đồng (theo vụ lúa), mở ngày 30/4/2018 (âm lịch) có 16 phần hội, ông V, bà S tham gia 01 phần hội.

+ Dây hội mùa 3.000.000 đồng (theo vụ lúa), mở năm 2020 (âm lịch) có 16 phần hội, ông V, bà S tham gia 01 phần hội và bà S có tham gia 01 phần hội chung với bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung

+ Dây hội mùa 3.000.000 đồng, dây 1 (theo vụ lúa), mở vụ hè thu năm 2020 (âm lịch) có 15 phần hội, ông V, bà S tham gia 01 phần hội.

+ Dây hội mùa 3.000.000 đồng, dây 2 (theo vụ lúa), mở vụ hè thu năm 2020 (âm lịch) có 15 phần hội, ông V, bà S tham gia 01 phần hội.

- Dây hội tháng:

+ Dây hội tháng 1.000.000 đồng, dây 1, mở ngày 10 tháng 9 năm 2019 (dương lịch) có 37 phần hội, ông V, bà S tham gia 01 phần hội.

+ Dây hội tháng 1.000.000 đồng, dây 2, mở ngày 10 tháng 9 năm 2019 (dương lịch) có 37 phần hội, ông V, bà S tham gia 02 phần hội.

+ Dây hội tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 15 tháng 4 năm 2020 (dương lịch) có 40 phần hội, ông V, bà S tham gia 01 phần hội.

+ Dây hội tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 20 tháng 5 năm 2019 (dương lịch) có 36 phần hội, ông V, bà S tham gia 02 phần hội.

+ Dây hội tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 20 tháng 7 năm 2020 (dương lịch) có 40 phần hội, ông V, bà S tham gia 02 phần hội.

+ Dây hội tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 30 tháng 01 năm 2020 (dương lịch) có 37 phần hội, ông V, bà S tham gia 01 phần hội.

Các dây hội đều đã mãn, bà Nguyễn Thị Mỹ D không còn nhớ cụ thể từng dây hội ông V và bà S còn nợ bà Nguyễn Thị Mỹ D bao nhiêu tiền nhưng tổng cộng các dây hội tháng ông V và bà S còn nợ bà Nguyễn Thị Mỹ D là 81.500.000 đồng (Tám mươi một triệu năm trăm nghìn đồng) và tổng cộng các dây hội mùa ông V, bà S còn nợ bà Nguyễn Thị Mỹ D là 131.500.000 đồng (một trăm ba mươi

một triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng cộng số tiền hụi mà ông V và bà S còn nợ bà Nguyễn Thị Mỹ D là 213.000.000 đồng (hai trăm mười ba triệu đồng). Tuy nhiên, từ ngày hoà giải ở cơ sở thì vợ chồng ông V, bà S trả cho bà D được 26.000.000 đồng, trừ phần hụi còn sống 27.000.000 đồng, trừ phần hụi 01 chân của ông Chèo con vợ chồng ông V, bà S thì hiện nay vợ chồng ông V, bà S còn nợ của bà D số tiền 148.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

*Nay bà Nguyễn Thị Mỹ D yêu cầu Tòa án giải quyết:*

Buộc ông Lê Văn V và bà Châu Thị S phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà D số tiền 148.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu đồng).

*Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các bị ông Lê Văn V và bà Châu Thị S trình bày:*

Các bị đơn thừa nhận có tham gia các dây hụi trên như lời trình bày của nguyên đơn, các bị đơn thừa nhận còn nợ của nguyên đơn số tiền hụi 213.000.000 đồng, nhưng yêu cầu trừ phần tiền các bị đơn đã trả cho nguyên đơn nhiều lần với tổng số tiền là 26.000.000 đồng, đồng thời trừ 01 chân hụi của ông Chèo là con ruột của các bị đơn và trừ đi phần hụi chưa mãn. Hiện nay các bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền hụi là 148.000.000 đồng như lời trình bày của nguyên đơn. Nhưng hiện nay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn không có khả năng trả một lần cho nguyên đơn nên yêu cầu Tòa án xem xét được trả dần khoản nợ trên theo hằng tháng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng, trả cho đến khi dứt khoản nợ 148.000.000 đồng.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D. Buộc các bị đơn ông Lê Văn V và bà Châu Thị S trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D số tiền hụi còn nợ là 148.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D yêu cầu các bị đơn ông Lê Văn V và bà Châu Thị S trả cho bà số tiền hụi 148.000.000 đồng nên căn cứ vào Điều 471 của Bộ

luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng góp hụi. Các bị đơn ông Lê Văn V và bà Châu Thị S có địa chỉ cư trú ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đối với số tiền hụi 148.000.000 đồng nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ D có cung cấp bản chính các chứng cứ: Tờ giấy dòng đầu ghi: “Hụi 3 triệu (theo vụ lúa), dây 1 (mở ngày 27/3/2018 âm lịch), dòng cuối ghi: “SĐT vợ 5 Tiên: 01632 063 144”; Tờ giấy dòng đầu ghi: “Hụi 3 triệu (theo vụ lúa), dây 2 (mở ngày 27/3/2018 âm lịch), dòng cuối ghi: “SĐT vợ 5 Tiên: 01632 063 144” ; Tờ giấy dòng đầu ghi: “Hụi 3 triệu (theo vụ lúa), dây 3 (mở ngày 30/4/2018 âm lịch), dòng cuối ghi: “SĐT vợ 5 Tiên: 01632 063 144”; Tờ giấy dòng đầu ghi: “Hụi 1 triệu (hàng tháng), (mở 20 tây /05/2019), dòng cuối ghi: “SĐT vợ 5 Tiên: 0343 134 019” ; Tờ giấy dòng đầu ghi: “Hụi 1 triệu (hàng tháng), (mở 10 tây /9/2019) dây 1, dòng cuối ghi: “SĐT vợ 5 Tiên: 0343 134 019”; Tờ giấy dòng đầu ghi: “Hụi 1 triệu (hàng tháng), (mở 10 tây /9/2019) dây 2, dòng cuối ghi: “SĐT vợ 5 Tiên: 0343 134 019” (bản pho to); Tờ giấy dòng đầu ghi: “Hụi 1 triệu (mới mở), (khui 30 tây /01/2020dl), dòng cuối ghi: “SĐT vợ 5 Tiên: 0343 134 019”; Tờ giấy dòng đầu ghi: “Hụi 1 triệu (mới mở), (khui 15 tây /04/2020dl), dòng cuối ghi: “SĐT vợ 5 Tiên: 0343 134 019”; Tờ giấy dòng đầu ghi: “Hụi 1 triệu (mới mở), (khui 20 tây /07/2020dl), dòng cuối ghi: “SĐT vợ 5 Tiên: 0343 134 019”; Tờ giấy dòng đầu ghi: “Hụi 3 triệu (mới mở), (mở năm 2020), dòng cuối ghi: “SĐT vợ 5 Tiên: 0343 134 019”; Tờ giấy dòng đầu ghi: “Hụi 3 triệu (theo vụ lúa), (hè thu/2020 al) – dây 1, dòng cuối ghi: “SĐT vợ 5 Tiên: 0343 134 019”; Tờ giấy dòng đầu ghi: “Hụi 3 triệu (theo vụ lúa), (hè thu/2020 al) - dây 2, dòng cuối ghi: “SĐT vợ 5 Tiên: 0343 134 019” cho Tòa án.

Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các bị đơn đều thừa nhận có tham gia các dây hụi trên do bà D làm chủ hụi và thừa nhận hiện nay còn nợ lại bà D số tiền hụi là 148.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh nên có căn cứ xác định giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D và các bị đơn ông Lê Văn V và bà Châu Thị S có giao kết hợp đồng góp hụi, nhưng các bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn theo thỏa thuận hai bên nên các bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 16 và khoản 2 Điều 17

Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, họ, biếu, phường nên yêu cầu trên của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của Kiểm sát viên là có phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Các bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật nhưng các bị đơn thuộc trường hợp được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; khoản 2 Điều 235; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 16 và khoản 2 Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, họ, biếu, phường

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D. Buộc các bị đơn ông Lê Văn V và bà Châu Thị S trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D số tiền họ là 148.000.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D có đơn yêu cầu Thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng các bị đơn ông Lê Văn V và bà Châu Thị S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải Thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D không phải chịu án phí do bà Dthuộc trường hợp được miễn án phí theo Thông báo số 26/TB-TA ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Các bị đơn ông Lê Văn V và bà Châu Thị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật nhưng các bị đơn ông Lê Văn V và bà Châu Thị S được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Nguyên đơn; Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án Dân sự năm 2014.

**Nơi nhận**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thu Hồng**











